

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1664/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Nguyễn Trần T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 197, khu phố 4, phường X, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 197, khu phố 4, phường X, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới thường xuyên cãi vã. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng tới mức không thể hóa giải. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông bà vẫn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H có 01 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 04/6/2015. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Khánh L cho ông Nguyễn Trần T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Ngọc H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Bà Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khánh L với mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Khánh L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 04/6/2015 cho ông Nguyễn Trần T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Ngọc H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Bà Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Khánh L với mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Khánh L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục do pháp luật quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009741 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, ông Nguyễn Trần T và bà Lê Thị Ngọc H đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, TP (3).

THẨM PHÁN

Lê Văn Thắng